

ĐIỀU LỆ
HỘI BỆNH MẠCH MÁU VIỆT NAM
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ - BNV*
ngày tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng của Hội

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Hội Bệnh mạch máu Việt Nam;
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Vascular Disease Association;
- Tên viết tắt tiếng Anh: VNVDA.

2. Biểu tượng (logo): Hội Bệnh mạch máu Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Bệnh mạch máu Việt Nam (sau đây viết tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bệnh mạch máu, tự nguyện thành lập.

2. Mục đích của Hội: tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân về chuyên ngành bệnh mạch máu, từng bước đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể lập Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực bệnh mạch máu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội theo Điều lệ.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ của Hội, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội.
6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp

có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

11. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho hội viên theo quy định của pháp luật; tiến hành quản lý các công trình nghiên cứu, chịu trách nhiệm về các công trình nghiên cứu của Hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động và quy định của pháp luật.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo Điều lệ và quy chế của Hội, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức:

- Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho các hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết của Hội;

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức của Việt Nam không có điều kiện tham gia làm hội viên chính thức của Hội nhưng có uy tín trong ngành y tế, có đóng góp, cống hiến cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam là những người hoạt động trong lĩnh vực bệnh mạch máu hoặc có liên quan đến lĩnh vực bệnh mạch máu, có trình độ từ trung cấp trở lên.

b) Hội viên tổ chức: tổ chức Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động trong lĩnh vực bệnh mạch máu hoặc có liên quan đến lĩnh vực bệnh mạch máu.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới gia nhập Hội và được Hội ghi nhận, tuyên dương khi có thành tích trong công tác phát triển hội viên.

6. Được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; được trình bày các đề tài nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt khoa học của Hội; được Hội nhận xét về công trình nghiên cứu (nếu thấy cần) khi được lựa chọn để trình các cấp khen thưởng hoặc đề nghị bảo vệ quyền tác giả theo quy định của pháp luật; được giới thiệu, đăng các bài viết, công trình nghiên cứu trên các xuất bản phẩm của Hội.

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

8. Được cấp thẻ hội viên.

9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

10. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tích cực hoạt động nhằm mở rộng uy tín và ảnh hưởng của Hội. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Hội theo quy định.

5. Đóng phí gia nhập Hội và hội phí đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội; khai trừ hội viên

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì tự nguyện làm đơn gia nhập Hội theo mẫu và nộp phí gia nhập Hội (do Ban Chấp hành Hội quy định);

b) Ban Chấp hành Hội xét quyết định kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên mới phải được 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Chấp hành Hội tán thành. Mỗi năm Hội tổ chức xét kết nạp hội viên một lần;

c) Căn cứ kết quả xét kết nạp của Ban Chấp hành Hội, Chủ tịch Hội là người ký quyết định kết nạp. Thời gian tham gia Hội của hội viên được tính từ ngày quyết định kết nạp có hiệu lực thi hành.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi Ban Thường vụ của Hội, Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến Ban Chấp hành Hội, hội viên của Hội;

b) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính (nếu có) với Hội.

c) Khi ra khỏi Hội, hội viên phải trả lại thẻ hội viên.

3. Khai trừ hội viên:

Ban Chấp hành Hội quyết định khai trừ hội viên khi hội viên vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Lợi dụng danh nghĩa Hội, gây tổn hại tới uy tín Hội;

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hội viên;

c) Vi phạm những quy định, Điều lệ hoặc nghị quyết của Hội.

4. Hội viên hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật; tổ chức tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì Ban Thường vụ Hội xem xét, xóa tên hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của hội.

5. Hội viên là cá nhân được xác định là đã chết theo quy định của pháp luật thì Ban Thường vụ Hội ra quyết định xóa tên hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

6. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội; quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền khai trừ hội viên; quản lý, cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 04 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính;

- d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;
- e) Các nội dung khác (nếu có);
- g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành; trừ quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;
- đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;
- e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
- b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban Chấp hành; nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội.

d) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên và công dân gửi đến Hội;

c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính của Hội, giúp cho Hội quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy chế, công khai minh bạch, tiết kiệm.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ban Kiểm tra bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Trong quá trình hoạt động, khi có sự thay thế Trưởng ban, Phó ban (nếu có) hoặc bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Chủ tịch Hội không tham gia cùng lúc là Chủ tịch của Hội khác.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch:

a) Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

b) Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội bầu trong số thành viên Ban Chấp hành Hội. Tổng thư ký kiêm Chánh Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký giúp Chủ tịch Hội điều hành công tác của Văn phòng Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Tổng thư ký Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn, chi hội, liên chi hội và tổ chức trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội, Văn phòng đại diện và các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hội là bộ phận giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ Hội ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

2. Việc bổ nhiệm các chức danh Lãnh đạo tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội do Chủ tịch Hội ký quyết định theo nghị quyết của Ban Thường vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật, tùy theo mức độ sai phạm, sẽ áp dụng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài các hình thức kỷ luật nêu trên, còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể tiêu chí, thủ tục, quy trình, thẩm quyền xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

**Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Chỉ có Đại hội Hội Bệnh mạch máu Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bệnh mạch máu Việt Nam gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội thành lập Hội Bệnh mạch máu Việt Nam, nhiệm kỳ 2021 - 2025 thông qua ngày 21 tháng 8 năm 2021 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ của Hội, Ban Chấp hành Hội Bệnh mạch máu Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./